TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 13-9-2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mùa
2. Ông Nguyễn Ngọc Tọa

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phí Ngọc Minh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1985 (có mặt)

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Phước Long cũ (nay là huyện B), tỉnh P vào ngày 10/11/2005. Trong quá trình chung sống thì bà H và ông T sống hạnh phúc với nhau được khoảng 03 năm thì đến năm 2008 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là do ông T thường xuyên ăn

chơi, đánh bạc, uống rượu, bán tài sản gia đình để trả nợ, không quan tâm, chăm sóc cho vợ, con. Bà H đã nhiều lần khuyên can, tạo cơ hội cho ông T thay đổi nhưng không được.

Nay bà H nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với ông T.

- Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa bà H và ông T có 02 người con chung gồm: Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/02/2008 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/9/2015. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 người con chung Nguyễn Minh N và Nguyễn Phương A cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết

**** Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: ông T thống nhất với bà H về thời gian chung sống và việc đăng ký kết hôn, thống nhất về thời gian mâu thuẫn của hai vợ chồng. Tuy nhiên, ông T xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không đồng ý ly hôn với bà H mà yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

- Về con chung: ông T thống nhất với bà H về con chung và yêu cầu Tòa án giải quyết giao 02 con chung Nguyễn Minh N và Nguyễn Phương A cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 31 tháng 7 năm 2017, Nguyễn Minh N trình bày:*

Trong quá trình chung sống thì giữa mẹ và cha cháu thỉnh thoảng có cãi nhau và cha cháu có đánh mẹ cháu. Cháu không muốn cha mẹ cháu ly hôn với nhau. Trong trường hợp cha mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng được mẹ cháu là bà H chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Theo biên bản xác minh ngày 05 tháng 7 năm 2017 tại thôn 19/5, xã Đ, huyện B, tỉnh P có nội dung:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T sống và kết hôn với nhau từ năm 2005 cho đến nay. Trong quá trình chung sống thì giữa ông T và chị H thường xuyên cãi

vã, xích mích. Nguyên nhân là do ông T có chơi bài bạc, uống rượu và không chí thú làm ăn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa hôm nay:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể:

- Về thời gian thụ lý đơn: thụ lý đơn đúng thời hạn và thụ lý vụ án đúng quy định.

- Về tư cách những người tham gia tố tụng trong vụ án Tòa án đã xác định đúng tư cách, và các đương sự đã chấp hành đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh N, sinh năm 2008 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về "Tranh chấp ly hôn", do nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Nguyễn Văn T trú tại thôn Y, xã Đ, huyện B, tỉnh P. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn T vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139 quyển số 1/2005 ngày 10/11/2005. Như vậy hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Xét thấy, quá trình sống chung bà H và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên ăn chơi, đánh bạc, uống rượu, bán tài sản gia đình, không quan tâm, chăm sóc cho vợ, con. Nhưng bản thân ông T đã không có giải pháp để khắc phục, cải thiện cuộc sống vợ chồng nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa bà H và ông T nhưng không thành và bà H vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T.

Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được. Xét thấy mâu thuẫn gia đình đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, cho bà H được ly hôn với ông T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình sống chung, giữa bà H và ông T có 02 người con chung gồm: Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/02/2008 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/9/2015, ông T và bà H đều có yêu cầu được nuôi cả hai người con chung. Xét thấy, khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Hiện nay hai người con chung đang sống cùng với bà H, cháu Nguyễn Minh N đã đủ 07 tuổi và theo nguyện vọng của cháu là có nguyện vọng sống với mẹ, còn đối với cháu Nguyễn Phương A hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại địa phương thì ông T có chơi bài bạc, uống rượu và không chí thú làm ăn nên xét thấy ông T không có đầy đủ khả năng nuôi dưỡng con để đảm bảo cho con phát triển lành mạnh. Căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần giao 02 người con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Nên yêu cầu về nuôi con của bà H được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do bà H không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 147, 227, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 được ly hôn ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982, cùng địa chỉ: thôn Y, xã Đ, huyện B, tỉnh P.

Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Giao hai người con chung là Nguyễn Minh N, sinh ngày 29/02/2008 và Nguyễn Phương A, sinh ngày 24/9/2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét do bà H không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)*

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018867 ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

5. Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết